TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀN KIẾM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2024/KDTM-ST
Ngày 05 tháng 9 năm 2024
V/v Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Lệ Hằng**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Minh
Bà Vũ Phương Liên
- **Thư ký phiên toà**: Bà Hoàng Thị Gấm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13, 19 tháng 8 và 05 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 53 /2023/TLST- KDTM ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-KDTM ngày 3 tháng 07 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2024/QĐHPT-ST ngày 23/7/2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2024/QĐST-KDTM; Thông báo mở lại phiên tòa số 09/TB-TA ngày 22/8/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Công ty cổ phần T8**

Địa chỉ: LK34-KĐT B, phường M, H, Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Minh T1 – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP T8;

Đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Văn T2 – Phó Tổng giám đốc Công ty CP T8;
2. Ông Lê Thanh S – Phó Tổng giám đốc Công ty CP T8;
3. Bà Nguyễn Thanh T3 – Trưởng ban Tài chính Công ty CP T8.

*** Bị đơn: Ngân Hàng TMCP Đ (B2);**

Địa chỉ: A T, phường L, quận H, thành phố Hà nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Ngọc L – Tổng Giám đốc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng TMCP Đ (B2) - chi nhánh H1;

Địa chỉ: Số G T, H, Hà Nội;

Người đại diện: Ông Võ Hải N – Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ (B2) - chi nhánh H1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh S1 – Phó giám đốc Chi nhánh; Ông Nguyễn Thế A – Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp 1; Ông Nguyễn Việt D – Chuyên viên phòng KH Doanh nghiệp 1; Bà Lê Thị Thùy T4 – Phó trưởng phòng Phòng Quản lý rủi ro.

2. Công ty TNHH MTV N1

Địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện N, Cà Mau

Người đại diện: Ông Đỗ Hoàng K – Giám đốc;

Văn phòng tại Hà nội: 39A N, quận H, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Lan P – Phụ trách pháp chế.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Công ty Cổ phần T8 trình bày về yêu cầu khởi kiện như sau:

- Ngày 08/02/2021 Công ty TNHH Một thành viên N1 và Công ty Cổ phần T8 đã ký kết Hợp đồng khảo sát, thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng Công trình số: 122021/EPC/TT-TOJI. Theo đó:

TT	**Nội dung**	**Số tiền (VND)**
1	Giá trị hợp đồng đã ký kết	152.826.400.000
2	Giá trị TOJI đã thực hiện	148.162.990.236
3	Giá trị hợp đồng đã tạm ứng và thanh toán	32.786.619.312
4	***Giá trị còn phải thanh toán***	***115.825.812.941***
5	**Tổng giá trị 90% giá trị hợp đồng đủ điều kiện thanh toán**	***104.757.146.285***
6	Giá trị phạt chậm tạm tính đến 16/10/2023	18.417.167.335

7	***Tổng giá trị truy đòi phải thanh toán cho TOJI***	**123.174.313.620**

Công ty Cổ phần T8 đã hoàn thành các hạng mục của công trình, Chủ đầu tư Công ty TNHH MTV N1 đã đưa toàn bộ thiết bị và công trình do Công ty T8 cung cấp vào sử dụng bán điện thương mại hòa vào lưới điện Quốc Gia từ cuối tháng 7 năm 2023, tuy nhiên chủ đầu tư đã chây ì, không phối hợp, không hợp tác và đặc biệt vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán, quyết toán cho Công ty chúng tôi theo hợp đồng khảo sát thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng công trình số 122021/EPC/TT-TOJI ngày 08/02/2021.

Khoản nợ của Công ty TNHH MTV N1 là khoản nợ khó đòi, việc Công ty TNHH MTV N1 tính đến thời điểm hiện tại đã quá hạn thanh toán cho Công ty Cổ phần T8 quá 714 ngày.

2. Về quan hệ bảo lãnh thanh toán xác lập giữa Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh H1 và Công ty Cổ phần T8:

- Theo đề nghị Của Công ty TNHH MTV N1 về việc phát hành Bảo lãnh Thanh toán để thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho bên được bảo lãnh đối với bên nhận bảo lãnh theo hợp đồng khảo sát, thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng Công trình số 122021/EPC/TT-TOJI ký ngày 08/02/2021 được ký kết giữa Công ty TNHH MTV N1 và Công ty Cổ phần T8. Theo đó Ngân hàng B2 - Chi nhánh H1 đã phát hành bảo lãnh thanh toán cho Công ty Cổ phần T8 với số tiền đảm bảo là: 122.261.120.000 VNĐ (Một trăm hai mươi hai tỷ, hai trăm sáu mươi mốt triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./.).

- Căn cứ hợp đồng khảo sát, thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng Công trình số 122021/EPC/TT-TOJI ký ngày 08/02/2021 được ký kết giữa Công ty TNHH MTV N1 và Công ty Cổ phần T8. Công ty Cổ phần T8 đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận. Công trình đã được chủ đầu tư nghiệm thu, đủ điều kiện đưa vào sử dụng và vận hành thương mại đưa toàn bộ công trình vào phát điện cho lưới điện Quốc G. Hiện nay Công ty TNHH MTV N1 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đối với Công ty Cổ phần T8.

- Ngân hàng TMCP Đ - B2 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo thư bảo lãnh số GI21BK7405, số: 1208/TBL-BIDV.HTH ký ngày 16 tháng 08 năm 2021.

- Tổng số nợ mà Công ty TNHH MTV N1 nợ Công ty Cổ phần T8 đến hết ngày 16/10/2023, cụ thể như sau:

+ Tổng nợ là: **123.174.313.620 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi ba tỷ, một trăm bảy mươi tư triệu, ba trăm mười ba nghìn, sáu trăm hai mươi đồng*)**.

+ Nợ gốc là: 104.757.146.285 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm linh bốn tỷ, bảy trăm năm mươi bảy triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi lăm đồng./.).

+ Lãi trả chậm phát sinh là: 18.417.167.335 VND (Bằng chữ: Mười tám tỷ, bốn trăm mười bảy triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn, ba trăm ba mươi lăm đồng./.).

- Khoản nợ của Công ty TNHH MTV N1 là khoản nợ khó đòi, việc Công ty TNHH MTV N1 tính đến thời điểm hiện tại đã quá hạn thanh toán cho Công ty Cổ phần T8 714 ngày, ngoài ra sau khi Hoàn thành xong toàn bộ Công trình sẵn sàng đưa công trình vào sử dụng và vận hành thương mại phát điện lên lưới điện Quốc gia căn cứ trên các biên bản:

1. Biên bản nghiệm thu kỹ thuật hoàn thành lắp đặt hệ thống thông tin viễn thông &Scada ký ngày 20 tháng 10 năm 2021.
2. Biên bản kiểm tra E ngày 24 tháng 10 năm 2021.
3. Biên bản số: 01/BBHTTT/TT-TJ nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình đưa vào sử dụng ký ngày 28 tháng 10 năm 2021.
4. Biên bản nghiệm thu hoàn thành đóng điện ký ngày 30 tháng 10 năm 2021.
5. Biên bản nghiệm thu đóng điện 72h ký ngày 02 tháng 11 năm 2021.

Công ty TNHH MTV N1 đã cố tình không hợp tác và ký các hồ sơ nghiệm thu, để quyết toán công trình Cho Công ty Cổ phần T8. Mặc dù Công ty Cổ phần T8 đã đề trình đúng theo Quy định của hợp đồng.

3. Những biện pháp mà Công ty Cổ phần T8 đã thực hiện để thu hồi Công nợ:

- Kể từ thời điểm Công ty TNHH MTV N1 không thực hiện đúng các cam kết theo hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán, Công ty C1 đã nhiều lần gửi Công văn thông báo về việc chậm thanh toán, và đốc thúc công nợ. Công ty Cổ phần T8 đã nhiều lần sang gặp trực tiếp Chủ đầu tư nhưng Chủ đầu tư không phối hợp và cố tình không thanh toán Công nợ theo hợp đồng đã ký kết.

- Công ty Cổ phần T8 đã liên tục làm việc với ngân hàng B2 để yêu cầu gia hạn bảo lãnh thanh toán và thanh toán số tiền công nợ đã quá hạn theo hợp đồng. Tuy nhiên Ngân hàng B2 - B2 đã từ chối thanh toán theo bảo lãnh thanh toán số GI21BK7405 ngày 16 tháng 08 năm 2021.

- Nhận thấy việc Công ty TNHH MTV N1 sau khi đã đưa toàn bộ thiết bị và công trình vào sử dụng và vận hành thương mại nhưng vẫn vi phạm các cam kết thanh toán tại Hợp đồng khảo sát, thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng Công trình số 122021/EPC/TT-TOJI ký ngày 08/02/2021, nhận thấy Ngân hàng TMCP Đ - B2 không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết thanh toán thay Cho Công ty TNHH MTV N1 gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Cổ phần T8, được sự ủy quyền của Ông Hồ Minh T1 chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần T8 đã quyết định áp dụng biện pháp khởi kiện Ngân hàng TMCP Đ - B2 để thu hồi nợ quá hạn. Ngày 16/ 11/2023, Công ty Cổ phần T8 đã gửi đơn khởi kiện Ngân hàng TMCP Đ - CN H kèm theo các hồ sơ cần thiết ra Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

4. Nội dung đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết:

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Cổ phần T8 với tư cách là bên nhà thầu, chúng tôi kính đề nghị Quý Tòa xem xét:

a. Buộc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh H1 thanh toán trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV N1 cho Công ty Cổ phần T8:

- Toàn bộ nợ gốc, lãi và phí phạt tạm tính đến hết ngày 16/10/2023 **theo hợp đồng nêu trên như sau:**

+ Tổng số tiền Phải thanh toán là: **123.174.313.620 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi ba tỷ, một trăm bảy mươi tư triệu, ba trăm mười ba nghìn, sáu trăm hai mươi đồng*)**.

Trong đó:

Tổng nợ là: **123.174.313.620 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi ba tỷ, một trăm bảy mươi tư triệu, ba trăm mười ba nghìn, sáu trăm hai mươi đồng*)**.

+ Nợ gốc là: 104.757.146.285 VNĐ (Bằng chữ: **Một trăm linh bốn tỷ, bảy trăm năm mươi bảy triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm tám mượi lăm đồng**./.).

+ Lãi trả chậm phát sinh là: 18.417.167.335 VND (Bằng chữ: Mười tám tỷ, bốn trăm mười bảy triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn, ba trăm ba mươi lăm đồng./.).

+ Và toàn bộ nợ lãi, lãi phạt quá hạn, phí, khoản phạt, phạt bồi thường thiệt hại (nếu có) phát sinh đến thời điểm Công ty TNHH MTV N1 thanh toán xong toàn bộ dư nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký.

b. Buộc Công ty TNHH MTV N1 thanh toán cho Công ty Cổ phần T8 theo Hợp đồng khảo sát, thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng công trình số: 122021/EPC/TT-TOJI ký ngày 08 tháng 02 năm 2021 và các phụ lục hợp đồng số 01 ký ngày 23 tháng 09 năm 2021,toàn bộ nợ gốc, lãi và phí phạt tạm tính đến hết ngày 16/10/2023 tổng nợ phải trả là: **123.174.313.620 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi ba tỷ, một trăm bảy mươi tư triệu, ba trăm mười ba nghìn, sáu trăm hai mươi đồng*)**; trong đó: số tiền nợ gốc: 104.757.146.285 VNĐ, số tiền lãi trả chậm: 18.417.167.335 VNĐ

- Và toàn bộ nợ lãi, lãi phạt quá hạn, phí, khoản phạt, phạt bồi thường thiệt hại (nếu có) phát sinh đến thời điểm Công ty TNHH MTV N1 thanh toán xong toàn bộ dư nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết. Ngoài ra Buộc Công ty TNHH MTV N1 hoàn tất các thủ tục Quyết toán và thanh toán cho Công ty Cổ phần T8 số tiền 10% giá trị còn lại của hợp đồng tương đương với số tiền: ***11.068.666.656 VNĐ (Mười một tỷ, sáu mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi sáu***

nghìn, sáu trăm năm mươi sáu đồng).

- Bị đơn:

1. Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh H1 do ông Nguyễn Thanh S1 – Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh H1, đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh H1, theo Quyết định số 2626/QĐ-BIDV.HTH ngày 19/12/2023 về việc ủy quyền lại việc tham gia tố tụng trình bày:

Ngân hàng TMCP Đ (đơn vị được ủy quyền tham gia tố tụng là Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh H1) (sau đây gọi tắt là "***Ngân hàng***") nhận được Thông báo số 53 nêu trên, trong đó Ngân hàng là Bị đơn trong vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 53/2023/KDTM về việc "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh"

Căn cứ theo nội dung tại Thông báo số 53/2023/TBTL-KDTM ngày 24/11/2023, nguyên đơn là Công ty CP T8 đã yêu cầu Tòa án nhân dân Quận Hoàn Kiếm giải quyết:

+ Tuyên buộc Ngân hàng TMCP Đ – B2 (B2) trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV N1 theo cam kết bảo lãnh thanh toán số GI21BK7405, số 1208/TBL-BIDV.HTH cấp ngày 16/8/2021 với toàn bộ nợ gốc, lãi và phí tạm tính đến hết ngày 16/10/2023 là: 123.174.313.620 VND, trong đó nợ gốc: 104.757.146.285 VND, tiền lãi trả chậm: 18.417.167.335 VND; và toàn bộ nợ lãi, lãi phạt quá hạn, phí, khoản phạt, phạt bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có) đến thời điểm Công ty TNHH MTV N1 thanh toán xong toàn bộ dư nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết.

+ Tuyên buộc Công ty TNHH MTV N1 trả nợ cho Công ty CP T8 theo Hợp đồng khảo sát, thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng công trình số: 122021/EPC/TT-TOJI ngày 08/02/2021 và các Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 23/9/2023, toàn bộ nợ gốc, lãi và phí tạm tính đến hết ngày 16/10/2023 là: 123.174.313.620 VND, trong đó nợ gốc: 104.757.146.285 VND, tiền lãi trả chậm: 18.417.167.335 VND; và toàn bộ nợ lãi, lãi phạt quá hạn, phí, khoản phạt, phạt bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có) đến thời điểm Công ty TNHH MTV N1 thanh toán xong toàn bộ dư nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết.

Trên cơ sở các Hợp đồng, văn bản được ký kết giữa Ngân hàng và các bên, Ngân hàng có ý kiến đối với yêu cầu Ngân hàng trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV N1 theo cam kết bảo lãnh thanh toán số GI21BK7405, số 1208/TBL-BIDV.HTH cấp ngày 16/8/2021 như sau:

1. Thông tin về Thư bảo lãnh thanh toán số GI21BK7405

Ngày 16/8/2021, căn cứ theo đề nghị của Công ty TNHH MTV N1 (Địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau; người đại diện theo pháp luật: (Ông) Đỗ Hoàng K), B2 đã phát hành Thư bảo lãnh thanh toán số 1208/TBL-BIDV.HTH,

số GI21BK7405 ngày 16/8/2021 ("**Thư bảo lãnh số 1208**") với giá trị bảo lãnh là 122.261.120.000 VND cho Bên thụ hưởng là Công ty CP T8;

Thời hạn bảo lãnh: Bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh đến hết ngày 30/10/2021 *(Căn cứ khoản 3 Điều 19 Thông tư 07/2015/TT-NHNN ngày 25/6/2015 của N2 quy định về bảo lãnh ngân hàng – văn bản pháp luật có hiệu lực tại thời điểm phát hành Thư bảo lãnh: do ngày 30/10/2021 rơi vào ngày Thứ Bảy, thư bảo lãnh sẽ có hiệu lực đến hết ngày 01/11/2021 là ngày làm việc tiếp theo);*

- Điều kiện thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:

"Ngân hàng sẽ thanh toán cho B nhận bảo lãnh số tiền tối đa trong phạm vi bảo lãnh nêu trên trong vòng năm (5) ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được:

(i) Bản gốc yêu cầu đòi tiền bằng văn bản của Bên nhận bảo lãnh nêu ra việc quá hạn thanh toán của Bên được bảo lãnh (do người đại diện có thẩm quyền ký);

(ii) Bản gốc Thư bảo lãnh này;

(iii) Bản gốc/Bản sao công chứng Biên bản nghiệm thu đóng điện 72h;"

2. Quá trình Ngân hàng xử lý yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

- **Lần 1:** Ngày 29/10/2021, (Chi nhánh rà soát đúng thời điểm B2 nhận được bộ H2 đề nghị thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh để đảm bảo nội dung wording chính xác.) B2 đã nhận được một bộ hồ sơ đề nghị thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán của Công ty CP T8 (kèm theo Công văn số 898/TOJI-TCKT ngày 29/10/2021). Tuy nhiên, sau khi rà soát, đối chiếu với điều kiện thực hiện nghĩa vụ theo Thư bảo lãnh đã phát hành và đánh giá Hồ sơ đề nghị thanh toán của Công ty CP T8, Ngân hàng nhận thấy Công ty CP T8 chưa cung cấp được hồ sơ quy định tại tại mục **(iii) Bản gốc/Bản sao công chứng Biên bản nghiệm thu đóng điện 72h**. B2 cũng đã gửi Công văn số 2344/BIDV.HTH-KHDN1 ngày 29/10/2021 tới Công ty CP T8 từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vì lý do nêu trên.

- **Lần 2:** Ngày 01/11/2021, B2 tiếp tục nhận được Công văn số 741/TOJI-TCKT của Công ty CP T8 về việc đề nghị ngân hàng thực hiện nghĩa vụ theo bảo lãnh thanh toán số GI21BK7405 (lần 2) và bổ sung hồ sơ là **"Biên bản nghiệm thu hoàn thành đóng điện ngày 30/10/2021 (bản photo sao y của Công ty CP T8)"**. Sau khi đối chiếu với điều kiện thực hiện nghĩa vụ theo Thư bảo lãnh, Ngân hàng xác định:

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành đóng điện ngày 30/10/2021 do Công ty CP T8 cung cấp **không phải là Biên bản nghiệm thu đóng điện 72h** theo nội dung quy định tại Thư bảo lãnh.

+ Đối với loại hồ sơ này, nội dung Thư bảo lãnh đã có quy định rõ Công ty CP T8 phải xuất trình Bản gốc hoặc Bản sao công chứng.

Theo đó, Ngân hàng đánh giá đến **hết ngày 01/11/2021** (là thời điểm kết thúc thời hạn của Thư bảo lãnh thanh toán số GI21BK7405) hồ sơ do Công ty

CP T8 cung cấp bổ sung **vẫn chưa đáp ứng điều kiện để Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định tại Thư bảo lãnh số 1208**, do vậy, B2 đã gửi Công văn số 2370/BIDV.HTH-KHDN1 ngày 02/11/2021 tới Công ty CP T8 từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

- **Lần 3:** Ngày 02/11/2021, B2 tiếp tục nhận được yêu cầu thực hiện nghĩa vụ theo Thư bảo lãnh từ Công ty CP T8, bao gồm:

+ Bản gốc Công văn số 743/TOJI-TCKT ngày 02/11/2021 của Công ty CP T8 về việc đề nghị ngân hàng thực hiện nghĩa vụ theo bảo lãnh thanh toán số GI21BK7405 (lần 3);

+ Bản sao công chứng/chứng thực Biên bản nghiệm thu đóng điện 72h ngày 02/11/2021;

Ngân hàng đánh giá Biên bản nghiệm thu đóng điện 72h ngày 02/11/2021 đã thể hiện nội dung thời gian chạy thử nghiệm đủ 72 giờ liên tiếp. Tuy nhiên, ngày **02/11/2021 là thời điểm Thư bảo lãnh số 1208 đã hết hiệu lực**, theo đó, Ngân hàng không còn bất cứ nghĩa vụ nào đối với Công ty CP T8 liên quan đến Thư bảo lãnh thanh toán số GI21BK7405 ngày 16/8/2021. Do vậy, việc Ngân hàng T9 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là có cơ sở rõ ràng theo quy định tại Thư bảo lãnh số 1208 và quy định tại Thông tư 07/2015/TT-NHNN.

3. Ý kiến của Ngân hàng đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty CP T8

Căn cứ quá trình xử lý yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nêu trên, Ngân hàng đánh giá yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và các tài liệu kèm theo của Công ty CP T8 tại yêu cầu lần 1 (ngày 29/10/2021) và lần 2 (ngày 01/11/2021) không đáp ứng đầy đủ điều kiện thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (không có bản gốc/bản sao công chứng Biên bản nghiệm thu đóng điện 72h) trong thời gian Thư bảo lãnh số 1208 còn hiệu lực. Ngân hàng khẳng định nghĩa vụ của B2 theo Thư bảo lãnh số 1208 đã phát hành là nghĩa vụ có điều kiện và việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Bên thụ hưởng phải tuân thủ đầy đủ các điều kiện đó (thời gian yêu cầu, chứng từ kèm theo). Do vậy, việc Ngân hàng T9 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo yêu cầu lần 1 và lần 2 của Công ty CP T8 là phù hợp với nội dung Thư bảo lãnh số 1208 và quy định tại Thông tư 07/2015/TT-NHNN.

Ngoài ra, kể từ thời điểm Thư bảo lãnh 1208 hết hiệu lực (hết ngày 01/11/2021), Ngân hàng không còn bất cứ nghĩa vụ nào liên quan đến Thư bảo lãnh thanh toán số 1208 ngày 16/8/2021 đối với Công ty CP T8, do vậy, việc Ngân hàng T9 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo yêu cầu lần 3 (ngày 02/11/2021) là phù hợp với nội dung Thư bảo lãnh số 1208 và quy định tại Thông tư 07/2015/TT-NHNN.

Vì các lẽ trên, Ngân hàng không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, đề nghị Tòa án ra xem xét giải quyết vụ án theo quy định của Pháp luật.

2. Công ty TNHH Một thành viên N1 do bà Lê Thị Lan P đại diện theo ủy quyền trình bày:

Sau khi nghiên cứu Thông báo thụ lý và các hồ sơ theo Hợp đồng Khảo sát thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng công trình số 122021/EPC/TT-TOJI ký ngày 08/02/2021, Công ty xin trình bày ý kiến liên quan đến vấn đề do người khởi kiện đã trình bày như sau:

1. Trong mối quan hệ 3 bên Công ty cổ phần T8, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (B2) – Chi nhánh H1 và Công ty TNHH MTV N1 thì Công ty TNHH MTV N1 chỉ là bên được bảo lãnh, B2 Chi nhánh H1 là Bên bảo lãnh, còn Công ty cổ phần T8 là Bên nhận bảo lãnh. Như vậy, xét đối tượng khởi kiện theo nội dung khởi kiện **"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh"** của Công ty Cổ phần T8 thì ***Công ty TNHH MTV N1 chỉ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chứ không phải là Bị đơn.***
2. Theo Thư bão lãnh thanh toán GI21BK7405 số 1208/TBL-BIDV.HTH do B2 chi nhánh H1 cấp ngày 16/8/2021 thì tổng số tiền bảo lãnh tối đa mà Ngân hàng cam kết thanh toán thay cho Bên được bảo lãnh là số tiền **122.261.120.000 VNĐ** *(Một trăm hai mươi hai tỷ, hai trăm sáu mươi mốt triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng chẵn)* chứ không phải **123.174.313.620 VNĐ** *(Một trăm hai mươi ba tỷ một trăm bảy tư triệu ba trăm mười ba nghìn sáu trăm hai mươi đồng chẵn)* như Đơn khởi kiện của Công ty CP T8. Đây là Bảo lãnh không huỷ ngang nhưng ***bảo lãnh thanh toán này chỉ có giá trị từ ngày phát hành bảo lãnh đến hết ngày 30/10/2021.*** Theo Khoản 4 Điều 23 Thông tư 11/2022/TT-NHNNThư Bảo lãnh thanh toán này đến thời điểm hiện tại đã hết hạn và ***nghĩa vụ thực hiện bảo lãnh thanh toán của B2 Chi nhánh H1 đối với Công ty cổ phần T8 đã chấm dứt.***
3. Ngoài ra tại Đơn khởi kiện, Công ty Cổ phần T8 vừa yêu cầu Ngân hàng B2 - Chi nhánh H1 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với số tiền 123.174.313.620 VNĐ (Một trăm hai mươi ba tỷ một trăm bảy tư triệu ba trăm mười ba nghìn sáu trăm hai mươi đồng chẵn), lại vừa yêu cầu Công ty TNHH MTV N1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền 123.174.313.620 VNĐ (Một trăm hai mươi ba tỷ một trăm bảy tư triệu ba trăm mười ba nghìn sáu trăm hai mươi đồng chẵn). Như vậy ***Công ty cổ phần T8 đã thực hiện khởi kiện hai (02) lần trách nhiệm thanh toán đối với một (01) khoản tiền là điều hết sức vô lý.***

4. Vì những lý do nêu trên, Công ty K1 đề nghị Quý Toà xem xét ra Quyết định đình chỉ vụ án nêu trên theo quy định pháp luật.

**** Ngày 12/8/2024, Nguyên đơn có Đơn sửa đổi nội dung đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc:***

- Buộc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh H1 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Thư bão lãnh thanh toán GI21BK7405 số 1208/TBL-BIDV.HTH do B2 chi nhánh H1 cấp ngày 16/8/2021 là số tiền **117.261.120.000 VNĐ** *(Một trăm mười bảy tỷ, hai trăm sáu mươi mốt triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng chẵn)*

- Buộc Công ty TNHH MTV N1 trả cho Nguyên đơn số tiền theo Hợp đồng khảo sát, thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng Công trình số: 122021/EPC/TT-TOJI là **117.261.120.000 VNĐ** *(Một trăm mười bảy tỷ, hai trăm sáu mươi mốt triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).*

*** Tại phiên tòa ngày 13/8/2024:**

Đại diện Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện đối với: Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh H1 (sau đây gọi là B2) và Công ty TNHH MTV N1 (sau đây gọi là Viên A1) về việc yêu cầu:

- Buộc Ngân hàng TMCP Đ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Thư bão lãnh thanh toán GI21BK7405 số 1208/TBL-BIDV.HTH do B2 chi nhánh H1 cấp ngày 16/8/2021 là số tiền **117.261.120.000 đồng** *(Một trăm mười bảy tỷ, hai trăm sáu mươi mốt triệu, một trăm hai mươi nghìn) đồng.*

- Buộc Công ty TNHH MTV N1 trả cho Nguyên đơn số tiền theo Hợp đồng khảo sát, thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng Công trình số: 122021/EPC/TT-TOJI là **117.261.120.000 VNĐ** *(Một trăm mười bảy tỷ, hai trăm sáu mươi mốt triệu, một trăm hai mươi nghìn) đồng.*

Bà Lê Thị Lan P người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn trình bày: Bà vẫn giữ nguyên các lời khai và trình bày tại Bản tự khai và các buổi hòa giải tại Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Tại phiên tòa ngày 19/8/2024,*** Nguyên đơn – Công ty cổ phần T8 có yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc: Nguyên đơn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện đối

với bị đơn: Ngân hàng TMCP Đ. Người liên quan là: Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh H1 (B2) và Công ty TNHH MTV N1 (sau đây gọi là V). Tại phiên tòa, các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm c, đ khoản 1 Điều 259 BLTTDS 2015 ra quyết định tạm ngừng phiên tòa.

Tòa án có Thông báo số 68/2024/TB-TA về việc Nguyên đơn sửa đổi Đơn khởi kiện. Nguyên đơn khởi kiện Ngân hàng TMCP Đ (B2); Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là: Ngân hàng TMCP Đ (B2) – Chi nhánh H1 và Công ty TNHH MTV N1. Tòa án đã thụ lý bổ sung vụ án và tống đạt cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/8/2024, Tòa án nhận được Quyết định số 3829/QĐ-BIDV về việc ủy quyền tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự; Quyết định số 208/QĐ-BIDV về việc bổ nhiệm lại cán bộ; Văn bản trình bày ý kiến của Ngân hàng về nội dung vụ án do bà Nguyễn Thị P1 – Giám đốc Ban pháp chế Ngân hàng B2 gửi Tòa án với nội dung: Ngân hàng ủy quyền cho B2 chi nhánh H1 tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Trong quá trình giải quyết vụ án, cán bộ B2 Chi nhánh H1 đã đại diện Ngân hàng để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo các Thông báo của quý Tòa, đồng thời đã tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 13/8/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QDXXS- KDTM ngày 03/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2024/QĐHPT-ST ngày 23/7/2024. Vì các lẽ trên, Ngân hàng đánh giá việc B2 Chi nhánh H1 tham gia tố tụng để giải quyết vụ án là phù hợp với các văn bản ủy quyền của Ngân hàng theo từng thời kỳ, theo đó, Ngân hàng ghi nhận quan điểm và nội dung trình bày của B2 Chi nhánh H1 tại Tòa án là quan điểm nhất quán của Ngân hàng TMCP Đ về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn (như đã trình bày tại Văn bản số 2628/BIDV.HTH-KHDN1 ngày 19/12/2023), đồng thời, Ngân hàng tiếp tục ủy quyền cho B2 Chi nhánh H1 đại diện Ngân hàng tham gia giải quyết Vụ án.

Bên cạnh đó, Ngân hàng nhận định rằng việc Nguyên đơn sửa đổi đơn khởi kiện không làm thay đổi tư cách đại diện của B2 Chi nhánh H1 cũng như các quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP Đ.

(Đính kèm là Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 3829/QĐ-BIDV ngày 01/7/2024 của Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng TMCP Đ).

Ngày 21/8/2024, Công ty TNHH MTV N1 do bà Lê Thị Lan P đại diện theo ủy quyền và Công ty cổ phần T8 do bà Nguyễn Thanh T3 đại diện theo ủy quyền đã ký Văn bản thỏa thuận với sự chứng nhận của Ngân hàng TMCP Đ thống nhất các nội dung như sau:

1. Nội dung Giá trị Hợp đồng khảo sát, thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng công trình số 122021/EPC/TT-TOJI ký ngày 08/02/2021 và các Phụ lục kèm theo:

Mục	**Nội dung**	**Giá trị (VNĐ)**
1.1	**Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm VAT)**	**152.826.406.219**
1.2	***Giá trị quyết toán***	***152.672.990.236***
1.3	*Giá trị đã xuất hóa đơn:*	*60.398.375.035*
1.4	***Giá trị đã thanh toán:***	***33.884.771.585***
1.5	***Giá trị giảm trừ của gói thầu***	***18.977.321.703***
1.6	**Giá trị còn lại phải thanh toán**	**99.810.896.948**

Giá trị giảm trừ của gói thầu là tối đa và đã bao gồm toàn bộ các phát sinh liên quan và các chi phí bảo hành, chi phí khắc phục tồn tại .... (nếu có).

2. Công ty TNHH MTV N1 sẽ thực hiện thanh toán cho Công ty Cổ phần T8 giá trị còn lại phải thanh toán tại mục 1.6 nêu trên vào ngày cuối cùng của tháng theo lộ trình cụ thể như sau:

- Tháng 9/2024 thanh toán 2.000.000.000 VNĐ (hai tỷ đồng chẵn).
- Tháng 10/2024 thanh toán 2.000.000.000 VNĐ (hai tỷ đồng chẵn)
- Tháng 11/2024 thanh toán 2.000.000.000 VNĐ (hai tỷ đồng chẵn)
- Tháng 12/2024 thanh toán 2.000.000.000 VNĐ (hai tỷ đồng chẵn)

- Tháng 1/2025 thanh toán 22.767.786.907 VNĐ (Hai mươi hai tỷ bảy trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm tám sáu nghìn chín trăm lẻ bảy đồng)
- Tháng 6/2025 thanh toán 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ đồng chẵn)

3. Từ tháng 7/2025 đến tháng 11/2025 cho đến khi hết giá trị phải thanh toán, chủ đầu tư sẽ thanh toán mỗi tháng 5.000.000.000 VNĐ (năm tỷ đồng chẵn).
4. Chủ đầu tư bằng nỗ lực của mình phải thanh toán sớm nhất có thể trong thời hạn quy định, các trường hợp chậm trễ thanh toán được các bên thống nhất như sau:

- Trường hợp chậm so với các mốc thanh toán đã thỏa thuận tại mục 2, Chủ đầu tư có 15 ngày tiếp theo để khắc phục mà không bị phạt chậm thanh toán
- Trường hợp chậm thanh toán quá 15 ngày kể từ ngày đến hạn theo mục 2 thì Nhà thầu không đồng ý giảm trừ số tiền *số tiền: 17.247.057.433 VNĐ* và Chủ đầu tư có nghĩa vụ thanh toán cho Nhà thầu đủ theo giá trị quyết toán.

Ngày 05/9/2024, Hội đồng xét xử mở lại phiên tòa. Tại phiên tòa, các đương sự gồm: Công ty Cổ phần T8, B2, B2 và Công ty TNHH MTV N1 đều ghi nhận nội dung tại Văn bản thỏa thuận ngày 21/8/2024 giữa Công ty Cổ phần T8 và Công ty TNHH MTV N1. Xác định giá trị đã xuất hóa đơn là 152.672.990.236đồng và Công ty N1 sẽ thanh toán cho Công ty T8 số tiền theo đúng lộ trình như đã nêu trên để giảm trừ nghĩa vụ bảo lãnh cho B2. Đồng thời đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Vụ án thụ lý từ ngày 24 tháng 11 năm 2023, đến nay đưa ra xét xử là chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án theo Văn bản thỏa thuận ngày 21/8/2024 mà các bên đã thống nhất

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm và ý kiến trình bày tranh tụng của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Ngày 24/11/2023, Tòa án thụ lý vụ án kinh doanh thương mại giữa Công ty Cổ phần T8 đối với Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh H1, Công ty TNHH MTV N1; Sau đó, quá trình giải quyết vụ án đã thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện: xác định bị đơn là Ngân hàng TMCP Đ, Người liên quan là Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh H1 và Công ty TNHH MTV N1 về việc yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo các Hợp đồng tín dụng và thư bảo lãnh đã ký. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp phát sinh trong giao dịch dân sự, giữa pháp nhân và pháp nhân, đều có đăng ký kinh doanh và mục đích lợi nhuận, phù hợp với quy định tại Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Theo điều 18 của Hợp đồng khảo sát, thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng công trình, hai bên thỏa thuận nếu có tranh chấp sẽ thông qua hòa giải hoặc Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Ngân hàng TMCP Đ có trụ sở tại số A Trần Quang Khải Q, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ngày 08/02/2021 Công ty TNHH Một thành viên N1 và Công ty Cổ phần T8 đã ký kết Hợp đồng khảo sát, thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng Công trình số: 122021/EPC/TT-TOJI. Theo đó:

TT	**Nội dung**	**Số tiền (VND)**
1	Giá trị hợp đồng đã ký kết	152.826.400.000
2	Giá trị TOJI đã thực hiện	148.162.990.236
3	Giá trị hợp đồng đã tạm ứng và thanh toán	32.786.619.312
4	***Giá trị còn phải thanh toán***	***115.825.812.941***
5	**Tổng giá trị 90% giá trị hợp đồng**	***104.757.146.285***

	đủ điều kiện thanh toán	
6	Giá trị phạt chậm tạm tính đến 16/10/2023	18.417.167.335
7	***Tổng giá trị truy đòi phải thanh toán cho TOJI***	**123.174.313.620**

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần T8 đã hoàn thành các hạng mục của công trình, Chủ đầu tư Công ty TNHH MTV N1 đã đưa toàn bộ thiết bị và công trình do Công ty T8 cung cấp vào sử dụng bán điện thương mại hòa vào lưới điện Quốc Gia từ cuối tháng 7 năm 2023. Tuy nhiên chủ đầu tư đã chây ì, không phối hợp, không hợp tác và đặc biệt vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán, quyết toán cho Công ty chúng tôi theo hợp đồng khảo sát thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng công trình số 122021/EPC/TT-TOJI ngày 08/02/2021.

Khoản nợ của Công ty TNHH MTV N1 là khoản nợ khó đòi, việc Công ty TNHH MTV N1 tính đến thời điểm hiện tại đã quá hạn thanh toán cho Công ty Cổ phần T8 quá 714 ngày.

Để bảo lãnh cho việc thực hiện Hợp đồng số 122021 nêu trên:

Ngày 16/8/2021, Ngân hàng B2 - Chi nhánh H1 đã phát hành bảo lãnh thanh toán số GI21BK7405 cho Công ty Cổ phần T8 với số tiền đảm bảo là: 122.261.120.000 VNĐ (Một trăm hai mươi hai tỷ, hai trăm sáu mươi mốt triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./.).

Quá trình thực hiện Hợp đồng thi công số 122021 và các Phụ lục đi kèm Công ty Cổ phần T8 đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận. Công trình đã được chủ đầu tư nghiệm thu, đủ điều kiện đưa vào sử dụng và vận hành thương mại đưa toàn bộ công trình vào phát điện cho lưới điện Quốc G. Hiện nay Công ty TNHH MTV N1 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đối với Công ty Cổ phần T8. Tuy nhiên, Công ty N1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. TOJI đã nhiều lần làm việc yêu cầu Công ty N1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán cũng như B2 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo đúng cam kết tại Thư bảo lãnh đã phát hành. Nay TOJI có đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm buộc B2 thực hiện đúng nghĩa vụ bảo

lãnh cũng như Công ty N1 thực hiện việc thanh toán các khối lượng còn thiếu theo Hợp đồng 122021 mà hai bên đã ký kết.

Xét T5 bảo thanh toán số GI21BK7405 mà B2 đã phát hành:

Về thẩm quyền: Thư bảo lãnh được ký bởi người có thẩm quyền, việc phát hành thư bảo lãnh trên là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật và đều được các bên đương sự thừa nhận nên được coi là hợp pháp.

Về nội dung: Theo đề nghị của bên được bảo lãnh, Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh H1 đồng ý bảo lãnh không hủy ngang cho Bên được bảo lãnh cho việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho bên được bảo lãnh đối với bên nhận bảo lãnh theo hợp đồng khảo sát, thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng Công trình số 122021/EPC/TT-TOJI ký ngày 08/02/2021 được ký kết giữa Bên được bảo lãnh và Bên nhận bảo lãnh với phạm vi bảo lãnh là tổng giá trị của các khoản thanh toán như sau: Tổng giá trị của Hợp đồng là: 152.82.400.000 đồng; Tổng số tiền bảo lãnh tối đa là: 122.261.120.000 VNĐ (Một trăm hai mươi hai tỷ, hai trăm sáu mươi mốt triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./.).

Về hiệu lực của Bảo lãnh: ***T5 bảo thanh toán số GI21BK7405 có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến hết ngày 30/10/2021. Do ngày 30/10/2021 rơi vào ngày Thứ B1, thư bảo lãnh sẽ có hiệu lực đến hết ngày 01/11/2021 là ngày làm việc tiếp theo***

Xét quá trình thực hiện Hợp đồng thi công số 122021 giữa T6 và Công ty N1

Căn cứ hợp đồng khảo sát, thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng Công trình số 122021/EPC/TT-TOJI ký ngày 08/02/2021 được ký kết giữa Công ty TNHH MTV N1 và Công ty Cổ phần T8. Công ty Cổ phần T8 đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận. Các bên gồm tư vấn giám sát, chủ đầu tư và Nhà thầu đã ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật hoàn thành lắp đặt hệ thống thông tin viễn thông & SCADA ngày 22/10/2021 và Biên bản nghiệm thu số 01/BBNTTT/TT-TJ nghiệm thu hoàn thành các hạng mục công trình để đưa vào sử dụng ngày 27/10/2021. Công trình đã được chủ đầu tư nghiệm thu, đủ điều kiện đưa vào sử dụng và vận hành thương mại đưa toàn bộ công trình vào phát điện cho lưới điện Quốc G. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty N1 đã xác nhận các nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn, xác nhận có vi phạm – đây

là tình tiết không phải chứng minh theo đúng quy định tại Điều 92 BLTTDS 2015.

Xét quá trình yêu cầu thực hiện nghĩa vụ Bảo lãnh của T6 đối với B2 chi nhánh H1:

Căn cứ Thư bảo lãnh thanh toán số 1208/TBL-BIDV.HTH, số GI21BK7405 ngày 16/8/2021, trong thời hạn có hiệu lực của Thư bảo lãnh Ngân hàng sẽ thanh toán cho B nhận bảo lãnh số tiền tối đa trong phạm vi bảo lãnh nêu trên trong vòng năm (5) ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được: Bản gốc yêu cầu đòi tiền bằng văn bản của Bên nhận bảo lãnh nêu ra việc quá hạn thanh toán của Bên được bảo lãnh (do người đại diện có thẩm quyền ký); Bản gốc Thư bảo lãnh này và Bản gốc (hoặc Bản sao công chứng) Biên bản nghiệm thu đóng điện 72h.

Ngày 29/10/2021, T6 đã gửi hồ sơ đề nghị B2 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán là yêu cầu trong thời hạn bảo lãnh.

Đối với hồ sơ yêu cầu, T6 gửi B2 bao gồm: Công văn đề nghị Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh; Thư bảo lãnh số 1208/TBL-BIDV.HTH, số GI21BK7405 ngày 16/8/2021; 01 biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình để đưa vào sử dụng ngày 28/10/2021; 01 biên bản nghiệm thu kỹ thuật hoàn thành lắp đặt hệ thống thông tin viễn thông & SCADA ngày 20/10/2021. Hồ sơ được bổ sung "Biên bản nghiệm thu hoàn thành đóng điện ngày 30/10/2021" vào ngày 01/11/2021 và Bản sao công chứng/chứng thực Biên bản nghiệm thu đóng điện 72h ngày 02/11/2021.

Đối chiếu với hồ sơ yêu cầu thực hiện bảo lãnh thanh toán thì T6 đã không cung cấp được Biên bản nghiệm thu đóng điện 72h khi gửi hồ sơ lần đầu. Tuy nhiên, T6 đã có văn bản ngay lập tức gửi B2 giải trình về việc không ký được Biên bản nghiệm thu đóng điện 72h là do trở ngại khách quan. Thực tế, T6 đã hoàn thành các hạnh mục công việc theo đúng Hợp đồng khảo sát, thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng Công trình số 122021/EPC/TT-TOJI thông qua biên bản nghiệm thu số: 01/BBNTTT/TT-TJ nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng ngày 28/10/2021 ký giữa Chủ đầu tư, Nhà T7 và Tư vấn giám sát. Tuy nhiên, thời điểm tháng 9,10,11/2021 do dịch bệnh C -19 bùng phát mạnh, các địa phương và cụ thể là tại tỉnh Cà Mau đều phải thực hiện giãn

cách xã hội theo chị thị 16/CV-TTg của Thủ tướng Chính P2. Ngoài ra, việc đóng điện cho trạm biến áp phải phụ thuộc vào tiến độ thi công Đường dây 110kV đoạn Ngọc H (N) - Rạch Gốc của Tổng Công ty Đ1 (EVN*SPC*). Ngày 29/10/2021 EVN mới đóng được đường dây. Khi Đường dây này của SPC đóng điện thì mới đóng điện tiếp được các hạng mục công trình Đường dây và TBA của Nhà máy điện gió Viên A1. Do đó, mặc dù đã hoàn thành công việc nhưng các bên chưa thể tiến hành đóng điện để nghiệm thu trong 72h là do trở ngại khách quan.

Nhận thấy, căn cứ Điều 17 Hợp đồng khảo sát, thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng Công trình số 122021/EPC/TT-TOJI có thỏa thuận dịch bệnh là một trong các trường hợp bất khả kháng, điều này cũng hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 156 BLDS 2015 cũng như tình hình thực tế tại thời điểm năm 2021 *"Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Trở ngại khách quan là những trở ngại do hoàn cảnh khách quan tác động làm cho người có quyền, nghĩa vụ dân sự không thể biết về việc quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm hoặc không thể thực hiện được quyền, nghĩa vụ dân sự của mình;"*. Theo đó, hậu quả pháp lý của sự kiện bất khả kháng, trở lại khách quan được pháp luật ghi nhận tại các điều 351 BLDS 2015: "*2. Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*.", Điều 296 Luật Thương mại 2005: "Kéo *dài thời hạn, từ chối thực hiện hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng*

Trong trường hợp bất khả kháng, các bên có thể thoả thuận kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ hợp đồng; nếu các bên không có thoả thuận hoặc không thỏa thuận được thì thời hạn thực hiện nghĩa vụ hợp đồng được tính thêm một thời gian bằng thời gian xảy ra trường hợp bất khả kháng cộng với thời gian hợp lý để khắc phục hậu quả". Từ đó có căn cứ xác định, TOJI không phải chịu trách nhiệm trong việc không ký được Biên bản nghiệm thu 72 giờ kịp thời hạn. B2 phải có nghĩa vụ kéo dài thời hạn Thư bảo lãnh theo Điều 296 Luật Thương Mại 2005 và theo điểm 6.7 Điều 6 Hợp đồng ký kết giữa các bên. Do đó, việc Toji tích cực thực hiện các hoạt động nghiệm thu để ký được Biên bản nghiệm

thu 72h vào 03h25’ sáng 02/11/2021 là biện pháp khắc phục trở ngại khách quan, bổ sung Hồ sơ yêu cầu ban đầu ngày 29/10/2021 và được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 21/8/2024, Công ty TNHH MTV N1 do bà Lê Thị Lan P đại diện theo ủy quyền và Công ty cổ phần T8 do bà Nguyễn Thanh T3 đại diện theo ủy quyền đã ký Văn bản thỏa thuận và thống nhất nội dung như sau: Nội dung Giá trị Hợp đồng khảo sát, thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng công trình số 122021/EPC/TT-TOJI ký ngày 08/02/2021 và các Phụ lục kèm theo:

Mục	**Nội dung**	**Giá trị (VNĐ)**
1.1	**Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm VAT)**	**152.826.406.219**
1.2	***Giá trị quyết toán***	***152.672.990.236***
1.3	*Giá trị đã xuất hóa đơn:*	***152.672.990.236***
1.4	***Giá trị đã thanh toán:***	***33.884.771.585***
1.5	***Giá trị giảm trừ của gói thầu***	***18.977.321.703***
1.6	**Giá trị còn lại phải thanh toán**	**99.810.896.948**

Giá trị giảm trừ của gói thầu là tối đa và đã bao gồm toàn bộ các phát sinh liên quan và các chi phí bảo hành, chi phí khắc phục tồn tại .... (nếu có).

5. Công ty TNHH MTV N1 sẽ thực hiện thanh toán cho Công ty Cổ phần T8 giá trị còn lại phải thanh toán tại mục 1.6 nêu trên vào ngày cuối cùng của tháng theo lộ trình cụ thể như sau:

- Tháng 9/2024 thanh toán 2.000.000.000 VNĐ (hai tỷ đồng chẵn).
- Tháng 10/2024 thanh toán 2.000.000.000 VNĐ (hai tỷ đồng chẵn)
- Tháng 11/2024 thanh toán 2.000.000.000 VNĐ (hai tỷ đồng chẵn)
- Tháng 12/2024 thanh toán 2.000.000.000 VNĐ (hai tỷ đồng chẵn)
- Tháng 1/2025 thanh toán 22.767.786.907 VNĐ (Hai mươi hai tỷ bảy trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm tám sáu nghìn chín trăm lẻ bảy đồng)
- Tháng 6/2025 thanh toán 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ đồng chẵn)

6. Từ tháng 7/2025 đến tháng 11/2025 cho đến khi hết giá trị phải thanh toán, chủ đầu tư sẽ thanh toán mỗi tháng 5.000.000.000 VNĐ (năm tỷ đồng chẵn).
7. Chủ đầu tư bằng nỗ lực của mình phải thanh toán sớm nhất có thể trong thời hạn quy định, các trường hợp chậm trễ thanh toán được các bên thống nhất như sau:

- Trường hợp chậm so với các mốc thanh toán đã thỏa thuận tại mục 2, Chủ đầu tư có 15 ngày tiếp theo để khắc phục mà không bị phạt chậm thanh toán
- Trường hợp chậm thanh toán quá 15 ngày kể từ ngày đến hạn theo mục 2 thì Nhà thầu không đồng ý giảm trừ số tiền *số tiền: 17.247.057.433 VNĐ* và Chủ đầu tư có nghĩa vụ thanh toán cho Nhà thầu đủ theo giá trị quyết toán.

Hội đồng xét xử nhận thấy, văn bản thỏa thuận nêu trên là sự tự nguyện của các bên, không trái quy định của pháp luật. Công ty TNHH MTV N1 tự nguyện thanh toán cho Công ty T8 các giá trị còn lại theo Hợp đồng để để giảm trừ toàn bộ nghĩa vụ bảo lãnh cho B2. Thỏa thuận trên được toàn bộ các đương sự bao gồm: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa công nhận, đề nghị Tòa án ghi nhận để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các bên.

[3] Về án phí: Án phí trong vụ án Kinh doanh thương mại là **225.261.120** đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu hai trăm sau mốt nghìn một trăm hai mươi đồng) hai bên gồm Công ty T8 và Công ty TNHH MTV N1 thỏa thuận mỗi bên phải chịu 50% số tiền án phí theo quy định của pháp luật là **112.630.560** đồng (một trăm mười hai triệu sáu trăm ba mươi nghìn năm trăm sáu mươi đồng).

Công ty Cổ phần T8 phải chịu **112.630.560** đồng (một trăm mười hai triệu sáu trăm ba mươi nghìn năm trăm sáu mươi đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006096 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm; được nhận lại 2.956.597 đồng.

Công ty TNHH MTV N1 phải chịu 112.630.560 đồng (một trăm mười hai triệu sáu trăm ba mươi nghìn năm trăm sáu mươi đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 280, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Điều 2,6,7,9 và 30 Luật thi hành án dân sự.

Điều 21, 30, 35, 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T8 đối với Ngân hàng TMCP Đ và Công ty TNHH MTV N1.

2. Công nhận sự thỏa thuân của các đương sự như sau:

Mục	**Nội dung**	**Giá trị (VNĐ)**
1.1	**Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm VAT)**	**152.826.406.219**
1.2	***Giá trị quyết toán***	***152.672.990.236***
1.3	*Giá trị đã xuất hóa đơn:*	***152.672.990.236***
1.4	***Giá trị đã thanh toán:***	***33.884.771.585***
1.5	***Giá trị giảm trừ của gói thầu***	***18.977.321.703***
1.6	**Giá trị còn lại phải thanh toán**	**99.810.896.948**

Giá trị giảm trừ của gói thầu là tối đa và đã bao gồm toàn bộ các phát sinh liên quan và các chi phí bảo hành, chi phí khắc phục tồn tại .... (nếu có).

Công ty TNHH MTV N1 sẽ thực hiện thanh toán cho Công ty Cổ phần T8 giá trị còn lại phải thanh toán tại mục 1.6 nêu trên để giảm trừ toàn bộ nghĩa vụ bảo lãnh của B2 vào ngày cuối cùng của tháng theo lộ trình cụ thể như sau:

- Tháng 9/2024 thanh toán 2.000.000.000 VNĐ (hai tỷ đồng chẵn).
- Tháng 10/2024 thanh toán 2.000.000.000 VNĐ (hai tỷ đồng chẵn)
- Tháng 11/2024 thanh toán 2.000.000.000 VNĐ (hai tỷ đồng chẵn)
- Tháng 12/2024 thanh toán 2.000.000.000 VNĐ (hai tỷ đồng chẵn)
- Tháng 1/2025 thanh toán 22.767.786.907 VNĐ (Hai mươi hai tỷ bảy trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm tám sáu nghìn chín trăm lẻ bảy đồng)
- Tháng 6/2025 thanh toán 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ đồng chẵn)

Từ tháng 7/2025 đến tháng 11/2025 cho đến khi hết giá trị phải thanh toán, chủ đầu tư sẽ thanh toán mỗi tháng 5.000.000.000 VNĐ (năm tỷ đồng chẵn).

Chủ đầu tư bằng nỗ lực của mình phải thanh toán sớm nhất có thể trong thời hạn quy định, các trường hợp chậm trễ thanh toán được các bên thống nhất như sau:

- Trường hợp chậm so với các mốc thanh toán đã thỏa thuận tại mục 2 , Chủ đầu tư có 15 ngày tiếp theo để khắc phục mà không bị phạt chậm thanh toán
- Trường hợp chậm thanh toán quá 15 ngày kể từ ngày đến hạn theo mục 2 thì Nhà thầu không đồng ý giảm trừ số tiền *số tiền: 17.247.057.433 VNĐ* và Chủ đầu tư có nghĩa vụ thanh toán cho Nhà thầu đủ theo giá trị quyết toán.

3. Về án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần T8 phải chịu **112.630.560** đồng (một trăm mười hai triệu sáu trăm ba mươi nghìn năm trăm sáu mươi đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006096 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm; được nhận lại 2.956.597 đồng.

Công ty TNHH MTV N1 phải chịu **112.630.560** đồng (một trăm mười hai triệu sáu trăm ba mươi nghìn năm trăm sáu mươi đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty Cổ phần T8, Ngân hàng TMCP Đ (B2); Ngân hàng TMCP Đ (B2) – Chi nhánh H1, Công ty TNHH MTV N1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi Cục Thi hành án DS quận Hoàn Kiếm;
- Chi Cục Thi hành án DS quận Hoàn Kiếm;
- Tòa án NDTP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Hằng